

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

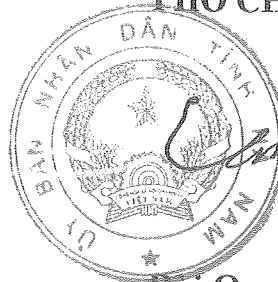
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 25 tháng 2 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh Hà Nam, Báo Hà Nam;
- VPUB: LĐ, NC, CB-TH, XD;
- Lưu: VT, NC(H).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Quang Cẩm

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1260/QĐ-UBND**

ngày **31** tháng **12** năm **2015** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

TT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Xây dựng
1.	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng /thẩm định thiết kế cơ sở
	1.1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
	1.2. Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
	1.3. Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách.
	1.4. Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác.
2.	Thẩm định dự án điều chỉnh
	2.1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
	2.2. Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự án nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác.
3.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng
	3.1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước.
	3.2. Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng.
4.	Cấp giấy phép xây dựng

	4.1. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I,II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh.
	4.2. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh.
	4.3. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh.
	4.4. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình quảng cáo.
	4.5. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến.
	4.6. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến
	4.7. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình.
	4.8. Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp đi dòi công trình.
5.	Cấp lại giấy phép xây dựng
6.	Gia hạn giấy phép xây dựng
7.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng
8.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
9.	Cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam
10	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đối với cá nhân
	10.1. Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng.
	10.2. Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng
	10.3. Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ trì, chủ nhiệm thiết kế.
	10.4. Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng.
	10.5. Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng.
	10.6. Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng.
11	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho tổ chức
	11.1. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng.
	11.2. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng.

	11.3.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.
	11.4.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án.
	11.5.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng.
	11.6.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng.
	11.7.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
	11.8.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình.
	11.9.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.
12	Đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng
13	Công nhận phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng.
II	Lĩnh vực Nhà ở
14	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở (trừ đối với nhà ở thương mại, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội) do UBND cấp tỉnh chấp thuận.
15	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng
	15.1. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại.
	15.2. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ.
	15.3. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư.
	15.4. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội bằng vốn ngân sách nhà nước.
	15.5. Lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ.
16	Phê duyệt dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ
17	Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng nhà ở

18	Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cơ chế ưu đãi đối với chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội
19	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô, bán nền tại khu vực đô thị
	Về quản lý, sử dụng nhà nói chung
20	Phê duyệt phương án bố trí nhà ở tái định cư.
21	Phê duyệt phá dỡ nhà ở (chung cư)
22	Phê duyệt danh sách nhà ở có giá trị nghệ thuật, văn hóa, lịch sử
	Về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước
23	Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ
24	Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
25	Thu hồi hoặc cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc sở hữu nhà nước
	Về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.
26	Thẩm định giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài nhà nước
27	Thông báo nhà đủ điều kiện được bán, cho thuê, thuê mua đối với nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách
28	Phê duyệt đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước
	Về hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng
29	Phê duyệt đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở
30	Về quản lý nhà ở của cá nhân, tổ chức nước ngoài

	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài.
III	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản
31	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư.
32	Thông báo cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh về việc nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai
33	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
IV	Lĩnh vực Quy hoạch
34	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng dự án đầu tư xây dựng
35	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình
36	Cấp giấy phép chặt hạ, chuyển dịch cây xanh đô thị

PHẦN II: NỘI DUNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ:

1.1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

1. Trình tự thực hiện: (Theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 59/NĐ-CP)

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định dự án

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của dự án theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định dự án theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ: (Bộ Xây dựng chưa quy định chi tiết về hồ sơ trình thẩm định dự án)

- Tờ trình thẩm định dự án theo mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;
- Văn bản quyết định hoặc chấp thuận về chủ trương đầu tư;
- Quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch trong trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt; phương án tuyển công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;
- Phương án thiết kế kiến trúc và quyết định được lựa chọn trong trường hợp có tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc;
- Văn bản về các nội dung liên quan đến phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Tài liệu khảo sát xây dựng để lập dự án; hồ sơ khảo sát, đánh giá hiện trạng chất lượng công trình đối với dự án sửa chữa, cải tạo;
- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát, thiết kế xây dựng theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;
- Các thỏa thuận về đầu nối, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Chứng nhận năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức lập dự án, thiết kế cơ sở. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm và chủ trì thiết kế;
- Hồ sơ dự án bao gồm phần thuyết minh dự án và phần thiết kế cơ sở;
- Các tài liệu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 4 Điều 11 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định dự án: 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm B và 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Thời gian trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan: 15 (mười năm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định dự án theo mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP.

8. Lệ phí: Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Dự án quy mô từ nhóm B trở xuống

10. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
.....
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo kết quả thẩm
định dự án...

....., ngày ... tháng năm

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ... trình thẩm định dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm tra của các cơ quan, tổ chức có liên quan, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định dự án (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
.....

5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định dự án của Tổ chức trình thẩm định.

IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;

- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở.

2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư:

.....

3. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm định:

- Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng;

- Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án;

- Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án.

VI. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- ...;

- Lưu.

1.2. Thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

1. Trình tự thực hiện:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định dự án

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ

đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của dự án theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định dự án theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ: (Theo Khoản 2 Điều 13 Nghị định 59/NĐ-CP)

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật theo mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

- Văn bản quyết định hoặc chấp thuận về chủ trương đầu tư;

- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế và dự toán

- Tài liệu khảo sát xây dựng liên quan

- Chứng nhận năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm và chủ trì thiết kế;

- Các tài liệu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 8 Điều 30 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật: 20 (hai mươi) ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng theo mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

8. Lệ phí: Theo thông tư 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
 - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
 - Và các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
đầu tư xây dựng

Kính gửi:

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số ngày của đề nghị
thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình số
ngày ... của

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (nếu
có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế
xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình Loại, cấp công trình
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng công trình:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng
- Nhà thầu khảo sát xây dựng

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.
2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ
thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).
4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản
mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

**III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU
TƯ XÂY DỰNG**

1. Sự phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình.

2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có)

(Đối với dự án sử dụng vốn khác ngoài các nội dung thẩm định nêu trên thì còn phải thẩm định thêm các nội dung được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014)

Kết quả thẩm định dự toán (nếu có yêu cầu)

9. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

10. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

11. Giá trị dự toán xây dựng: (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

12. Nội dung khác (nếu có)

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

1.3. Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

1. Trình tự thực hiện: (Theo khoản 2 Điều 11 Nghị định 59/NĐ-CP)

Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định dự án

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của thiết kế cơ sở theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định dự án theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ: (Bộ Xây dựng chưa quy định chi tiết về hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở- Khoản 2 Điều 12 Nghị định 59)

- Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

- Văn bản quyết định hoặc chấp thuận về chủ trương đầu tư;

- Quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch trong trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt; phương án tuyển công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Phương án thiết kế kiến trúc và quyết định được lựa chọn trong trường hợp có tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc;

- Văn bản về các nội dung liên quan đến phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Tài liệu khảo sát xây dựng để lập dự án; hồ sơ khảo sát, đánh giá hiện trạng chất lượng công trình đối với dự án sửa chữa, cải tạo;

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát, thiết xây dựng theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

- Các thỏa thuận về đầu nối, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Chứng nhận năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức lập dự án, thiết kế cơ sở. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm và chủ trì thiết kế;

- Hồ sơ dự án bao gồm phần thuyết minh dự án và phần thiết kế cơ sở;

- Các tài liệu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 4 Điều 11 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định dự án: 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm B và 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Thời gian trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan: 15 (mười năm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

8. Lệ phí: Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Dự án quy mô từ nhóm B trở xuống.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

TÊN TỔ CHỨC

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án:

3. Loại và cấp công trình:

4. Người quyết định đầu tư:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

.....

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định thiết kế cơ sở của dự
án...

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của trình thẩm
định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế
cơ sở của dự án (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):.....
- Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:
- (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
 3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;
- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;
- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;
- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;
- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;
- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;
- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở;
- Ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án (áp dụng đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

V. KẾT LUẬN

Thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thuyết minh

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu.

1.4. Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác:

1. Trình tự thực hiện: (Theo khoản 2 Điều 11 Nghị định 59/NĐ-CP)

Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định dự án

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của thiết kế cơ sở theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định dự án theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ: (Bộ Xây dựng chưa quy định chi tiết về hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở- Khoản 2 Điều 12 Nghị định 59)

- Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

- Văn bản quyết định hoặc chấp thuận về chủ trương đầu tư;
- Quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch trong trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt; phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Phương án thiết kế kiến trúc và quyết định được lựa chọn trong trường hợp có tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc;

- Văn bản về các nội dung liên quan đến phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Tài liệu khảo sát xây dựng để lập dự án; hồ sơ khảo sát, đánh giá hiện trạng chất lượng công trình đối với dự án sửa chữa, cải tạo;

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát, thiết xây dựng theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

- Các thỏa thuận về đầu nối, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Chứng nhận năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức lập dự án, thiết kế cơ sở. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm và chủ trì thiết kế;

- Hồ sơ dự án bao gồm phần thuyết minh dự án và phần thiết kế cơ sở;

- Các tài liệu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 4 Điều 11 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định dự án: 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm B và 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Thời gian trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan: 15 (mười năm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

8. Lệ phí: Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Công trình từ cấp II trở xuống

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

TÊN TỔ CHỨC

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án:

3. Loại và cấp công trình:

4. Người quyết định đầu tư:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

.....

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định thiết kế cơ sở của dự
án...

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của trình thẩm
định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế
cơ sở của dự án (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện
thoại,...):.....
- Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:
- (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
 3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyển công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyển;
- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;
- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;
- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;
- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;
- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;
- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở;
- Ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án (áp dụng đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

V. KẾT LUẬN

Thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thuyết minh

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- ...;

- Lưu.

2. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

2.1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

1. Trình tự thực hiện: (Theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 59/NĐ-CP)

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định dự án

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của dự án điều chỉnh theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định dự án theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ: (Bộ Xây dựng chưa quy định chi tiết về hồ sơ trình thẩm định dự án)
 - Tờ trình thẩm định dự án điều chỉnh;
 - Văn bản quyết định hoặc chấp thuận về chủ trương cho điều chỉnh;
 - Quy hoạch điều chỉnh hoặc phương án kiến trúc điều chỉnh
 - Hồ sơ dự án điều chỉnh bao gồm phần thuyết minh dự án và phần thiết kế cơ sở điều chỉnh;
 - Các tài liệu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 4 Điều 11 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định dự án điều chỉnh: 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm B và 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Thời gian trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan: 15 (mười năm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định dự án điều chỉnh;

8. Lệ phí: Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Dự án quy mô từ nhóm B trở xuống

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

2.2. Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác.

1. Trình tự thực hiện: (Theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 59/NĐ-CP)

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của dự án điều chỉnh theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ: (Bộ Xây dựng chưa quy định chi tiết về hồ sơ trình thẩm định dự án)

- Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh;
- Văn bản chấp thuận về chủ trương cho điều chỉnh;
- Quy hoạch điều chỉnh hoặc phương án kiến trúc điều chỉnh
- Hồ sơ dự án điều chỉnh bao gồm phần thuyết minh dự án và phần thiết kế cơ sở điều chỉnh;
- Các tài liệu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 4 Điều 11 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh: 20 (hai mươi) ngày đối với dự án nhóm B và 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Thời gian trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan: 15 (mười năm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định dự án điều chỉnh;

8. Lệ phí: Không

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Dự án quy mô từ nhóm B trở xuống

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

3. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG

3.1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước

1. Trình tự thực hiện (Theo Điều 30 Nghị định 59):

Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở về Sở Xây dựng theo phân cấp;

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Sở Xây dựng thực hiện thẩm định thiết kế và dự toán (trường hợp dự án có nhiều công trình có loại, cấp khác nhau, cơ quan chủ trì tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan) theo đúng thời hạn quy định.

Chủ đầu tư nộp phí thẩm định thiết kế và dự toán trước khi nhận kết quả thẩm định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ (Theo Điều 29 Nghị định 59):

- Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

- Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

4. Thời hạn giải quyết (Theo Khoản 8 Điều 30 Nghị định 59):

Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III, không quá 20 ngày đối với các công trình còn lại.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn về xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

8. Lệ phí : Theo thông tư 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: (Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 76 Nghị định 59)

- Sở Xây dựng thẩm định đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị)

a) Công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Sở Xây dựng, chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh

b) Công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách

Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp III trở lên được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh

c) Công trình thuộc dự án sử dụng vốn khác

Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

10. Mẫu Tờ trình: Theo mẫu

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
 - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
 - Các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế và dự toán xây dựng
công trình

Kính gửi:

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số ngày của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) công trình thuộc dự án đầu tư

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình Loại, cấp công trình
- Thuộc dự án đầu tư:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng công trình:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng (nếu có)
- Nhà thầu khảo sát xây dựng

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.
2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).
4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước (thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, so với thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước).

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình;

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN (NẾU CÓ YÊU CẦU)

1. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

2. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

3. Giá trị dự toán xây dựng là: (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

4. Nội dung khác (nếu có)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

3.2. Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng.

1. Trình tự thực hiện:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến người quyết định đầu tư, đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định dự án

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định);

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của dự án theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Sở Xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định dự án theo đúng thời hạn quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ: (Theo Điều 29 Nghị định 59/NĐ-CP)

- Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

- Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

4. Thời hạn giải quyết: (Khoản 8 Điều 30 Nghị định 59)

- Thời gian thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: 20 (hai mươi) ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán theo mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định 59/NĐ-CP;

8. Lệ phí: Theo thông tư 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
 - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
 - Các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế và dự toán xây dựng
công trình

Kính gửi:

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số ngày của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) công trình thuộc dự án đầu tư

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình Loại, cấp công trình
- Thuộc dự án đầu tư:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng công trình:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng (nếu có)
- Nhà thầu khảo sát xây dựng

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.
2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).
4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước (thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, so với thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước).

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình;

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN (NẾU CÓ YÊU CẦU)

1. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

2. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

3. Giá trị dự toán xây dựng là: (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

4. Nội dung khác (nếu có)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

4. CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

4.1. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng;

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
- Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư;
- Bản vẽ thiết kế xây dựng;
- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

* Tuỳ thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn,

tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

- + Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

- + Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

- + Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

- + Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm;

- + Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho dự án (đính kèm theo thủ tục);

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Đối với công trình xây dựng ngoài đô thị:

- Đối với công trình xây dựng không theo tuyến: Phải phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;

- Đối với công trình xây dựng theo tuyến: Phải phù hợp với vị trí và phương án tuyến đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật xây dựng năm 2014.

4.2. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các

điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng;

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu (sử dụng mẫu đơn của công trình không theo tuyến);

- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- + Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

- + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến dự án, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

- Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tôn giáo theo phân cấp.

- + Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình tôn giáo, tín ngưỡng (đính kèm theo thủ tục);

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật xây dựng năm 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình không theo tuyến)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư:
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số: Diện tích m².
 - Tại:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
3. Nội dung đề nghị cấp phép:
 - Loại công trình: Cấp công trình:
 - Diện tích xây dựng tầng 1: m².
 - Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
 - Chứng chỉ hành nghề số: do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký ghi rõ họ tên)

4.3. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng.

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
- Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư;
- Bản vẽ thiết kế xây dựng;
- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

- Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.

* Tuỳ thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

+ Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

+ Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

+ Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

+ Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm;

+ Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình tượng đài, tranh hoành tráng (đính kèm theo thủ tục);

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật xây dựng 2014.

4.4. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng;

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép

xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu;
- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp thuê đất hoặc công trình để thực hiện quảng cáo, thì phải có bản sao được công chứng hoặc chứng thực hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình;

- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực quảng cáo.

- Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

** Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:*

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

** Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:*

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo, tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ mặt cắt tại các vị trí liên kết giữa biển quảng cáo với công trình, tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo, tỷ lệ 1/50 - 1/100.

** Tuỳ thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:*

+ Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

+ Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

+ Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

- + Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm;
- + Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình quảng cáo (đính kèm theo thủ tục);
- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật Xây dựng năm 2014.

4.5. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng;

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- 02 bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:
 - + Sơ đồ vị trí, hướng tuyến công trình;
 - + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;
 - + Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
- Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm:
 - + Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
 - + Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình.

* Tuỳ thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

+ Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

+ Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

+ Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

+ Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm;

+ Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình theo tuyến trong đô thị (đính kèm theo thủ tục);
- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ- HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật Xây dựng 2014.

(Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình quảng cáo)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình quảng cáo)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư:
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số: Diện tíchm².
 - Tại:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
3. Nội dung đề nghị cấp phép:
 - Loại công trình: Cấp công trình:
 - Diện tích xây dựng:m².
 - Cốt xây dựng:m
 - Chiều cao công trình:m
 - Nội dung quảng cáo:
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
 - Chứng chỉ hành nghề số:do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Số điện thoại:

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:

2. Kinh nghiệm thiết kế:

2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a)

b)

c)

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng:

Trong đó:

- KTS:

- KS các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng năm

Đại diện đơn vị thiết kế

(Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình
tượng đài, tranh hoành tráng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình tượng đài, tranh hoành tráng)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư:
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số: Diện tíchm².
 - Tại:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
3. Nội dung đề nghị cấp phép:
 - Loại công trình: Cấp công trình:
 - Diện tích xây dựng:m².
 - Cốt xây dựng:m
 - Chiều cao công trình:m
4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
 - Chứng chỉ hành nghề số:do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.
6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

(Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
 - 1.1. Tên:
 - 1.2. Địa chỉ:
 - 1.3. Số điện thoại:
 - 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
 - 2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
 - c)
 - 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
Trong đó:
 - KTS:
 - KS các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng năm
Đại diện đơn vị thiết kế

4.6. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng;

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu;
- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- 02 bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:
 - + Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;
 - + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;
 - + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến dự án, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

* Tuỳ thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn,

tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

- + Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

- + Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

- + Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

- + Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm;

- + Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình không theo tuyến (đính kèm theo thủ tục);
- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải: Tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận và các yêu cầu về: Giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy (viết tắt là PCCC), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và

đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Đối với công trình trong đô thị phải:

- Phù hợp với: Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Đối với công trình xây dựng ngoài đô thị, không theo tuyến: Phải phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Luật Xây dựng 2014.

4.7. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng.

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép sửa chữa, cải tạo kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở theo mẫu;

- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc giấy tờ về quyền quản lý, sử dụng công trình;

- Các bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình được cải tạo có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10x15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo;

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, công trình hạ tầng kỹ thuật thì phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

* Tùy thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

+ Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

+ Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

+ Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

+ Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm;

+ Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế theo mẫu kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí:

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị : 50.000đồng/giấy phép.

- Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho trường hợp sửa chữa, cải tạo (đính kèm theo thủ tục);

- Bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ- HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Luật Xây dựng 2014.

(Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng sử dụng cho sửa chữa, cải tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Cải tạo/sửa chữa

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư:
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
 2. Hiện trạng công trình:
 - Lô đất số: Diện tích m².
 - Tại:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Loại công trình: Cấp công trình:
 - Diện tích xây dựng tầng 1: m².
 - Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
 3. Nội dung đề nghị cấp phép:
 - Loại công trình: Cấp công trình:
 - Diện tích xây dựng tầng 1: m².
 - Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
 4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
 - Chứng chỉ hành nghề số: do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
 5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.
 6. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

(Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Số điện thoại:

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:

2. Kinh nghiệm thiết kế:

2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a)

b)

c)

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng:

Trong đó:

- KTS:

- KS các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa

chỉ):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa

chỉ):

....., Ngày tháng năm

Đại diện đơn vị thiết kế

4.8. Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép di dời công trình tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép di dời và thông báo cho chủ đầu tư biết.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng.

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép di dời. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép di dời công trình cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép di dời kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu;

- Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế thực trạng công trình được di dời, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới, tỷ lệ 1/50 - 1/500;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới;

- Bản sao có chứng thực giấy tờ về quyền sử dụng đất nơi công trình đang tồn tại và nơi công trình sẽ di dời tới và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình.

- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình.

- Phương án di dời gồm:

+ Phần thuyết minh: Nêu được hiện trạng công trình và hiện trạng khu vực công trình sẽ được di dời tới; các giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng xe máy, thiết bị, nhân lực; các giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị

và các công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời. Phương án di dời phải do đơn vị, cá nhân có điều kiện năng lực thực hiện;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép di dời công trình kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép di dời công trình.

8. Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (đính kèm theo thủ tục).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc di dời công trình xây dựng từ vị trí này đến vị trí khác phải phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt, bảo đảm chất lượng, an toàn công trình, không làm ảnh hưởng đến công trình lân cận và bảo đảm giữ nguyên kiến trúc đối với công trình có yêu cầu cần phải bảo tồn.

- Nhà thầu thực hiện di dời công trình xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an toàn đối với công trình được di dời và các công trình lân cận, bảo vệ môi trường.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ- HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật Xây dựng 2014.

(Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI DỜI CÔNG TRÌNH

Kính gửi:

1. Tên chủ sở hữu công trình di dời:.....
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Công trình cần di dời:
 - + Loại công trình: Cấp công trình:
 - + Diện tích xây dựng tầng 1:m².
 - + Tổng diện tích sàn:m².
 - + Chiều cao công trình:m.
3. Địa điểm công trình cần di dời ;
- Lô đất số:..... Diện tíchm².
 - Tại: Đường:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
4. Địa điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số:..... Diện tíchm².
 - Tại: Đường:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
- + Số tầng:
5. Đơn vị hoặc người thiết kế biện pháp di dời:
- Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Địa chỉ: Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành di dời công trình:
7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép di dời, biện pháp di dời đã được duyệt, đảm bảo an toàn, vệ sinh, nếu xảy ra sự cố gì tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký ghi rõ họ tên)

5. CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG:

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp lại giấy phép xây dựng.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại;

- Bản chính Giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng được cấp lại dưới hình thức bản sao.

8. Lệ phí:

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị: 50.000 đồng/giấy phép.

- Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng chỉ cấp lại đối với các trường hợp bị rách, nát, hoặc bị mất.

Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa được khởi công, thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật Xây dựng 2014.

6. GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc gia hạn giấy phép xây dựng.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do chưa khởi công xây dựng;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cho phép gia hạn không quá 6 tháng.

8. Lệ phí:

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị : 50.000đồng/giấy phép.

- Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn một lần. Thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn, chủ đầu tư chưa khởi công xây dựng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật xây dựng năm 2014.

7. ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ và lệ phí đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc điều chỉnh giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm đối chiếu với các điều kiện cấp phép để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng.

- Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc điều chỉnh giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, Sở Xây dựng điều chỉnh giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư nhận giấy phép điều chỉnh xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu của Sở Xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ; nếu Hồ sơ không đủ điều kiện điều chỉnh giấy phép, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với công trình:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu;
- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;
- Các bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế điều chỉnh của chủ đầu tư, trong đó có nội dung đảm bảo an toàn chịu lực; an toàn phòng chống cháy; bảo đảm môi trường. Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (nếu có) do tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện.

- Đối với công trình đã khởi công xây dựng, phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về quản lý xây dựng về việc chủ đầu tư xây dựng đúng theo giấy phép xây dựng tại thời điểm xin điều chỉnh giấy phép xây dựng.

* Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu;
- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;
- Các bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 -1/200.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Nội dung giấy phép xây dựng điều chỉnh được ghi trực tiếp vào giấy phép xây dựng đã cấp hoặc ghi thành Phụ lục riêng và là bộ phận không tách rời với giấy phép xây dựng đã được cấp.

- Đối với trường hợp không đủ điều kiện để điều chỉnh giấy phép xây dựng, Sở Xây dựng có văn bản trả lời.

8. Lệ phí:

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị : 50.000đồng/giấy phép.
- Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng sử dụng cho công trình (đính kèm theo thủ tục);

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng sử dụng cho nhà ở riêng lẻ tại đô thị (đính kèm theo thủ tục);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 18/2012/NQ- HĐND của HĐND tỉnh Hà Nam về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Luật xây dựng năm 2014.

(Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng)

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà: Đường Phường (xã)

Tỉnh, thành phố:

Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép :

-

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp:

-

-

5. Đơn vị hoặc người thiết kế điều chỉnh:

- Chứng chỉ hành nghề số: Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Địa chỉ: Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: tháng.

7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ đô thị)

Kính gửi:

1. Tên chủ hộ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số: Diện tích m².
 - Tại:
 - Phường (xã) (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp (số, ngày, cơ quan cấp):
Nội dung giấy phép:
 -
 -
4. Nội dung giấy phép đề nghị điều chỉnh:
 -
 -
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế điều chỉnh (nếu có):
 - Chứng chỉ hành nghề số: do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy đăng ký doanh nghiệp số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: tháng
7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 - ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký ghi rõ họ tên)

8. KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH.

1. Trình tự thực hiện (Khoản 4 Điều 32 Nghị định 46/NĐ-CP):

a) Sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp: tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra công trình, bao gồm:

- Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra tại một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình. Số lần kiểm tra;

- Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra trước khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

c) Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV, chủ đầu tư gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình (theo mẫu kèm theo) cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình.

d) Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tiến hành kiểm tra công trình lần cuối. Nội dung kiểm tra phải được lập thành biên bản (theo mẫu kèm theo);

đ) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư trong thời hạn quy định. Thông báo kết quả kiểm tra (theo mẫu kèm theo).

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (một bộ)

b) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình (bản chính) cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình.

4. Thời hạn giải quyết (Theo Điểm d khoản 4 Điều 32 Nghị định 46):

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, cấp III, cấp IV) kể từ khi kết thúc kiểm tra cơ quan có thẩm quyền ra văn bản chấp thuận kết quả kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp gửi chủ đầu tư.

8. Lệ phí : Không có.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

10. Mẫu báo cáo, danh mục hồ sơ hoàn thành công trình: (Chưa có thông tư hướng dẫn- Hiện tại vẫn áp dụng theo Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013)

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

9. CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định thì phải thông báo và hướng dẫn bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- c) Khi đã nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng xem xét và cấp giấy phép cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép thầu, Sở Xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.
- d) Nhà thầu nộp lệ phí khi nhận giấy phép thầu.
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp giấy phép thầu thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu: (Theo Điều 72 Nghị định 59)

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động xây dựng (theo mẫu do Bộ Xây dựng quy định);
 - Bản sao có chứng thực văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp;
 - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp;
 - Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 3 (ba) năm gần nhất đối với Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam;
 - Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu);
 - Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải làm bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thời gian giải quyết: (Theo Điều 73 Nghị định 59)

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu là tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng chuyên môn của Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thầu

8. Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính: (Dự án nhóm B, nhóm C):

a) Nhà thầu nước ngoài tham gia các hoạt động xây dựng quy định phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp.

b) Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu.

c) Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;

- Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

d) Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

e) Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

- Căn cứ Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg ngày 16/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BXD ngày 08/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thầu và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư số 33/2012/TT-BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

10. CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG ĐỐI VỚI CÁ NHÂN.

10.1. Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Bộ phận sát hạch nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 5 Điều 44 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo mẫu số 01 Dự thảo thông tư).
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo mẫu số 03 Dự thảo thông tư). Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính (Theo Điều 45 và Điều 47 Nghị định 59/NĐ-CP):

- a) Điều kiện chung:

- Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt nam ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên. Đã làm chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, 2 (hai) đồ án quy hoạch vùng liên huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù;

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Đã tham gia thiết kế hoặc thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù hoặc 5 (năm) đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề (Theo khoản 2 Điều 14 dự thảo thông tư):

Cá nhân có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch, có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thực hiện thiết kế quy hoạch xây dựng thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 33/2012/TT- BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

(Mẫu 1: Báo cáo hoàn thành công trình)

(Tên Chủ đầu tư)
Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Kính gửi : (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình với các nội dung sau :

1. Tên công trình/hạng mục công trình:.....
 2. Địa điểm xây dựng
 3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
 4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
 5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
 6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
 7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
 8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (ghi rõ các điều kiện để được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định của pháp luật).
- Đề nghị(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- (2)(để phối hợp);
- Lưu ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH PHÁP
LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(1). Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và phân cấp của UBND tỉnh Hà Nam.

(2). Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh và Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới tỉnh.

(Mẫu 2: Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình)

A/ Hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng:

1.	Quyết định về chủ trương đầu tư kèm theo Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.
2.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án thành phần của cấp có thẩm quyền kèm theo Dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi).
3.	Các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4.	Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư.
5.	Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6.	Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7.	Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8.	Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9.	Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10.	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

B/ Hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng công trình

1.	Phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2.	Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3.	Kết quả thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, kèm theo: hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật; văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có).
4.	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo).
5.	Biên bản nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
6.	Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

C/ Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng

1.	Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
2.	Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3.	Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4.	Các chứng chỉ xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn (nếu có)

	theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan.
5.	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.
6.	Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7.	Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8.	Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.
9.	Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.
10.	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
	a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
	b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
	c) An toàn môi trường;
	d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
	đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
	e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
	g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11.	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12.	Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.
13.	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/ công trình đưa vào sử dụng của Chủ đầu tư.
14.	Các phụ lục tồn tại cần sửa chữa, khắc phục sau khi đưa công trình vào sử dụng.
15.	Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

D/ Quy cách và số lượng hồ sơ hoàn thành công trình

1. Các bản vẽ thiết kế phải được lập theo quy định và phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được uỷ quyền của chủ đầu tư xác nhận.

2. Các bản vẽ hoàn công phải được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Hồ sơ hoàn thành công trình được bảo quản trong hộp theo khổ A4 hoặc bằng các phương pháp khác phù hợp, bìa hộp ghi các thông tin liên quan tới nội dung hồ sơ lưu trữ trong hộp.

4. Thuyết minh và bản vẽ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng có thể được lưu trữ dưới dạng băng từ, đĩa từ hoặc vật mang tin phù hợp.

5. Các văn bản quan trọng trong hồ sơ hoàn thành công trình như quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật (trường hợp chỉ phải lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật), quyết định phê duyệt thiết kế, biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, biên bản bàn giao công trình ... được lưu trữ bằng bản chính. Trường hợp không còn bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp;

6. Số lượng bộ hồ sơ hoàn thành công trình do chủ đầu tư và các nhà thầu thỏa thuận nêu trong hợp đồng.

10.2. Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 5 Điều 44 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo phụ lục 03 Dự thảo Thông tư). Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính (Theo Điều 45 và Điều 46 Nghị định 59/NĐ-CP):

- a) Điều kiện chung:

- Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt nam ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên. Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Đã tham gia khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề (Khoản 1 Điều 14 Dự thảo Thông tư):

- Khảo sát địa hình: cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng (dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,...), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình của công trình loại nào thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình của công trình loại đó.

- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình: cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng (dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,...), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số .../2015/TT-BXD ngày .../.../2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

(Phụ lục 01)

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../TT-BXD ngày .../.../2015 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

10.3. Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ trì, chủ nhiệm thiết kế.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Bộ phận sát hạch nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định(*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 5 Điều 44 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề: (*Theo Điều 12 và Điều 13 Dự thảo Thông tư*)

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo phục lục 01 dự thảo Thông tư).
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bản, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo phục lục 03 dự thảo Thông tư). Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính

- a) Điều kiện chung (*Theo Điều 45 và Điều 48 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt nam ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên. Đã làm chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề;

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề,

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề (Khoản 3 Điều 14 dự thảo Thông tư):

- Thiết kế kiến trúc công trình: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc.

- Thiết kế nội-ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc; nội – ngoại thất **hoặc mỹ thuật**, đã tham gia; chủ trì thiết kế; chủ trì thẩm định; thẩm tra thiết kế nội thất - ngoại thất công trình hoặc thiết kế cảnh quan.

- Thiết kế kết cấu công trình: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia; chủ nhiệm; chủ trì hoặc thẩm tra thiết kế của đồ án thiết kế xây dựng công trình loại nào thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình loại đó.

- Đối với các chuyên ngành khác: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc các chuyên ngành (như cấp, thoát nước; cơ, cơ điện công trình; cấp nhiệt; thông gió, điều hòa không khí; mạng thông tin trong công trình xây dựng; phòng cháy - chữa cháy) căn cứ theo thời gian và kinh nghiệm thực tế mà cá nhân đó đã tham gia thực hiện thiết kế để xét cấp chứng chỉ hành nghề cho phù hợp.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

10.4. Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Bộ phận sát hạch nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 5 Điều 44 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo phụ lục 03 Dự thảo Thông tư). Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian giải quyết: (Theo Mục b khoản 2 Điều 13 dự thảo)

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề

8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Điều kiện chung (*Theo Điều 45 và Điều 49 Nghị định 59/NĐ-CP*):
 - Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên. Đã trực tiếp giám sát thi công hoặc chủ trì thiết kế, thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Đã trực tiếp tham gia giám sát thi công hoặc tham gia thiết kế, thẩm định thiết kế, thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 (hai) công trình cấp IV cùng loại.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề (Theo Khoản 4 Điều 14 Dự thảo Thông tư):

- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình (dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,...), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế trực tiếp giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình loại nào thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình loại đó.

- Đối với các lĩnh vực hành nghề giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” và “lắp đặt thiết bị công nghệ” chỉ cấp cho cá nhân thuộc chuyên ngành (như hệ thống kỹ thuật trong công trình, điện, cơ khí, cấp nhiệt, thông gió, điều hòa không khí, thông tin liên lạc, phòng cháy – chữa cháy) nếu cá nhân đó đã có đủ thời gian và kinh nghiệm tham gia giám sát các công việc thuộc các chuyên ngành này thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề với nội dung giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” hoặc “lắp đặt thiết bị công nghệ” hoặc cả hai nội dung này.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 33/2012/TT- BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

10.5. Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Bộ phận sát hạch nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 5 Điều 44 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo phụ lục 03 Dự thảo Thông tư). Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian giải quyết:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề

8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Điều kiện chung (*Theo Điều 45 và Điều 52 Nghị định 59/NĐ-CP*):
 - Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên. Đã tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc chủ trì lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 3 (ba) dự án nhóm C hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 3 (ba) công trình cấp II hoặc 10 (mười) công trình cấp III;

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Đã tham gia lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 10 (mười) công trình cấp IV.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề: (Khoản 7 Điều 14 Dự thảo Thông tư)

Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế; kinh tế - kỹ thuật; kỹ thuật và có thời gian, kinh nghiệm thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

10.6. Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Bộ phận sát hạch nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 5 Điều 44 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bản, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo phụ lục 03 Dự thảo Thông tư). Bản khai có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp). Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian giải quyết: (Theo Mục b khoản 2 Điều 13 dự thảo)

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề

8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Điều kiện chung (*Theo Điều 45 và Điều 50 Nghị định 59/NĐ-CP*):
 - Có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên. Đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II; chứng chỉ thiết kế xây dựng hạng II; đã làm chủ trì kiểm định, chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III; chứng chỉ thiết kế xây dựng hạng III; đã làm chủ trì kiểm định, chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin đăng ký hành nghề: (Khoản 5 Điều 14 Dự thảo Thông tư)

- Cá nhân có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc chứng chỉ thiết kế xây dựng thuộc lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng tương ứng với hạng và loại công trình phù hợp với hạng theo quy định.

- Đối với cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát hoặc thiết kế xây dựng: cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình (dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy lợi,...), nếu có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế làm chủ trì kiểm định; chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng công trình loại nào thì được phép đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định công trình loại đó theo quy định.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 33/2012/TT- BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

11. CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG II, HẠNG III CHO TỔ CHỨC

11.1. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ (Theo Điều 18 Dự thảo Thông tư):
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 04 dự thảo Thông tư).
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định (theo mẫu tại Phụ lục số 05 dự thảo Thông tư). Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề: (Theo Mục b khoản 3 Điều 19 dự thảo)

Chúng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (Theo Điều 60 Nghị định 59/NĐ-CP)

- Hạng II:

- + Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

- + Có ít nhất 20 (hai mươi) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng;

- + Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Hạng III:

- + Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng III; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

- + Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm:

11.2. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định (theo mẫu tại Phụ lục số 05 dự thảo Thông tư).
Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (Theo Điều 62 Nghị định 59/NĐ-CP)

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm B phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 20 (hai mươi) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng;

+ Đã thực hiện lập, thẩm tra ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm c cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm C phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 10 (mười) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 33/2012/TT- BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

11.3. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 04 dự thảo Thông tư).
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định (theo mẫu tại Phụ lục số 05 dự thảo Thông tư). Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (*Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (*Theo Điều 63 Nghị định 59/NĐ-CP*)

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm B;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm C cùng loại;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa có

11.4. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 04 dự thảo Thông tư).
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định (theo mẫu tại Phụ lục số 05 dự thảo Thông tư). Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tệp tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tệp tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tệp tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề:

Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (*Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (*Theo Điều 63 Nghị định 59/NĐ-CP*)

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm B;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm C cùng loại;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

11.5. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định (theo mẫu tại Phụ lục số 05 dự thảo Thông tư).
Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (*Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (*Theo Điều 59 Nghị định 59/NĐ-CP*)

- Hạng II:

- + Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

- + Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

- + Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- Hạng III:

- + Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

- + Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

11.6. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 04 dự thảo Thông tư).
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định. Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (*Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (*Theo Điều 66 Nghị định 59/NĐ-CP*)

- Hạng II: Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, chủ trì kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng.

- Hạng III: Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

11.7. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (*Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (*Theo Điều 67 Nghị định 59/NĐ-CP*)

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II;

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III;

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

11.8. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định. Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tệp tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực (theo mẫu tại Phụ lục số 06 dự thảo Thông tư) kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tệp tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tệp tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (*Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP*):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (*Theo Điều 65 Nghị định 59/NĐ-CP*)

- Hạng II:

+ Có ít nhất 2 (hai) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng II cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 20 (hai mươi) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 1 (một) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng III cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 5 (năm) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

11.9. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Hội đồng tư vấn nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định (*Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III- Mục b khoản 2 Điều 58 Nghị định 59/NĐ-CP*);
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực
 - Danh sách các cán bộ chủ chốt tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định. Danh sách các cán bộ, nhân viên có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Tập tin Scan bản chính/bản sao các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức.
 - Bản khai kinh nghiệm các hoạt động xây dựng đã thực hiện liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực kèm theo bản photo hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành tiêu biểu đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành) kèm theo Hợp đồng gốc để đối chiếu.
 - Tập tin Scan bản kê khai năng lực tài chính, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính,... có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.
 - Tập tin Scan bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

4. Thời gian tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đánh giá

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Lệ phí: Chờ thông tư hướng dẫn

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung (Theo Điều 57 Nghị định 59/NĐ-CP):

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện đối với lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề (Theo Điều 61 Nghị định 59/NĐ-CP)

- Hạng II:

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ thiết kế hạng II phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ thiết kế hạng III phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 33/2012/TT- BTC ngày 01/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

12. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử do mình quản lý;

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ Chưa quy định:

4. Thời gian tổ chức đăng tải: (Theo Khoản 4 Điều 25 dự thảo)

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức đăng tải.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền đăng tải: Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Đăng tải trên trang thông tin của Sở Xây dựng.

8. Lệ phí: Chưa có quy định

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính:

- Các tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng ngoài lĩnh vực có yêu cầu chứng chỉ năng lực và nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng ở Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị đăng tải thông tin bao gồm các tài liệu sau:

- Các tổ chức, cá nhân đã đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng thì không phải nộp hồ sơ đề nghị đăng tải thông tin đối với lĩnh vực đã được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: chưa quy định

13. CÔNG NHẬN PHÒNG THÍ NGHIỆM PHỤC VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG (CHỜ THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN)

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014

B. LĨNH VỰC NHÀ Ở.

14. CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở DO UBND CẤP TỈNH CHẤP THUẬN.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp

luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện để lựa chọn chủ đầu tư;

b) Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Nghị định này; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

c) Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Trường hợp xây dựng nhà ở không thuộc diện quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này nhưng thuộc các diện sau đây thì phải làm thủ tục gửi Bộ Xây dựng thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:

- Dự án có quy mô sử dụng đất từ 100 ha trở lên hoặc có quy mô dưới 100 ha nhưng có số lượng nhà ở từ 2.500 căn trở lên (bao gồm nhà biệt thự, nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư) tại khu vực không phải là đô thị;

- Dự án có quy mô sử dụng đất từ 50 ha trở lên hoặc có quy mô dưới 50 ha nhưng có số lượng nhà ở từ 2.500 căn trở lên tại khu vực đô thị;

- Dự án không phân biệt quy mô diện tích đất, số lượng nhà ở nhưng thuộc địa giới hành chính của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

* Trường hợp xây dựng nhà ở không thuộc diện quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều này nhưng thuộc các diện sau đây thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư:

a) Dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha đến dưới 100 ha và có số lượng nhà ở dưới 2.500 căn tại khu vực không phải là đô thị;

b) Dự án có quy mô sử dụng đất từ 10 ha đến dưới 50 ha và có số lượng nhà ở dưới 2.500 căn tại khu vực đô thị;

c) Dự án không phân biệt quy mô diện tích đất, số lượng nhà ở nhưng thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong các đồ án quy hoạch) của đô thị loại đặc biệt.

*. Đối với trường hợp không thuộc diện quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này thì phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014
- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014.

15. LỰA CHỌN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG

15.1. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014
- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

15.2. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ

đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

15.3. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014
- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

15.4. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng dự án xây dựng nhà ở xã hội bằng vốn ngân sách nhà nước.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014
- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

15.5. Lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ.

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

30 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

16. PHÊ DUYỆT DỰ ÁN MUA NHÀ Ở THƯƠNG MẠI LÀM NHÀ Ở CÔNG VỤ:

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: chưa quy định

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

17. ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở: 1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: chưa quy định

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

18. PHÊ DUYỆT CƠ CHẾ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI: 1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: chưa quy định

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

19. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO HÌNH THỨC PHÂN LÔ BÁN NỀN TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ:

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: chưa quy định

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

20. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ: 1.

Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết:

Chưa quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: chưa quy định

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014

- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

21. PHÊ DUYỆT PHÁ DỠ NHÀ Ở (chung cư):

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Tại trụ sở cơ quan hành chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phương án phá dỡ thể hiện được các biện pháp, quy trình phá dỡ; các trang - thiết bị phục vụ phá dỡ, biện pháp che chắn để đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, trình tự, tiến độ, kinh phí phá dỡ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân, tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- 7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**
- Quyết định hành chính
- 8. Lệ phí :** Không có
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :** Không có
- 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có
- 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật nhà ở năm 2014.
 - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

22. PHÊ DUYỆT DANH SÁCH NHÀ Ở CÓ GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT, VĂN HÓA, LỊCH SỬ:

- 1. Trình tự thực hiện:**
- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
 - Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.
- 2. Cách thức thực hiện:**
- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.
- 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Chưa quy định
- 4. Thời hạn giải quyết:**
- Chưa quy định
- 5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
- 6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Xây dựng.
- 7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** chưa quy định
- 8. Lệ phí:** Chưa quy định
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.
- 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**
- 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật nhà ở năm 2014
 - Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

23. QUYẾT ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ.

1. Trình tự thực hiện:

- + Bước 1: Cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ gửi văn bản đăng ký, lập danh sách kèm theo đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, đăng ký với cơ quan quản lý nhà ở công vụ.

Địa điểm nhận hồ sơ: tại Sở Xây dựng Hà Nam

+ Bước 2: Căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ, văn bản đăng ký của cơ quan đang trực tiếp quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh) xem xét, quyết định việc bố trí cho thuê bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ. Trường hợp không bố trí cho thuê được thì cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ phải có văn bản trả lời cho cơ quan quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ biết rõ lý do trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký của cơ quan này.

+ Bước 3: Căn cứ quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà ở công vụ có văn bản (kèm theo danh sách người được bố trí thuê nhà ở) đề nghị đơn vị quản lý vận hành ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi hợp đồng đã được hai Bên ký kết cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ và cơ quan quản lý người thuê, mỗi đơn vị 01 bản chính.

2. Cách thức thực hiện:

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, email.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ;
- + Danh sách người thuê nhà ở công vụ kèm theo đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ của những người thuê có trong danh sách.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ của cơ quan quản lý người thuê nhà ở công vụ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

a) Cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thuộc diện ở nhà công vụ trong thời gian đảm nhận chức vụ;

b) Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này được điều động, luân chuyển đến công tác tại cơ quan trung ương giữ chức vụ từ cấp Thứ trưởng và tương đương trở lên; được điều động, luân chuyển đến công tác tại địa phương giữ chức vụ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở và tương đương trở lên;

c) Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại điểm b khoản này được điều động, luân chuyển đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

d) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được điều động, luân chuyển theo yêu cầu quốc phòng, an ninh, trừ đối tượng mà pháp luật quy định phải ở trong doanh trại của lực lượng vũ trang;

đ) Giáo viên đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

e) Bác sĩ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

g) Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh;
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng
- + Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý người thuê nhà ở công vụ.

7. Kết quả thực hiện TTHC:

- + Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ;

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật nhà ở năm 2014.
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

24. QUYẾT ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MUA NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC:

1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ

đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn;

c) Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở.

Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo.

Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này

4. Thời hạn giải quyết:

45 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: chưa quy định

8. Lệ phí: Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nhà ở năm 2014
- Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật nhà ở năm 2014

25. THU HÒI HOẶC CƯỠNG CHẾ THU HÒI NHÀ Ở THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC.

1. Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị quản lý vận hành báo cáo Sở Xây dựng về việc người thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở không bàn giao lại nhà ở theo Quyết định thu hồi nhà.

Địa điểm nhận hồ sơ: tại Sở Xây dựng Hà Nam

+ Bước 2: Sở Xây dựng kiểm tra và có tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở trình UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở và gửi Quyết định này cho Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở và người thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở biết để thực hiện;

+ Bước 3: Trên cơ sở Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở, UBND tỉnh trực tiếp hoặc giao UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có nhà ở tổ chức cưỡng chế thu hồi và bàn giao lại nhà ở cho đơn vị quản lý vận hành quản lý theo quy định. Việc bàn giao nhà ở phải lập biên bản có xác nhận của các cơ quan tham gia cưỡng chế thu hồi.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Sở Xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Báo cáo về việc người thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở không bàn giao lại nhà ở theo Quyết định thu hồi của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

+ Thời hạn ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở: chưa có văn bản quy định;

+ Thời hạn cưỡng chế thu hồi nhà ở: 30 ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Đơn vị quản lý nhà vận hành ở và cá nhân là người thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở có nhà ở thuộc diện bị thu hồi.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC:

+ Biên bản xác nhận cưỡng chế thu hồi nhà ở;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở.

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều 84. Thu hồi nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

1. Việc thu hồi nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng hoặc không đủ điều kiện theo quy định của Luật này;
- b) Hết thời hạn thuê theo hợp đồng mà bên thuê không còn nhu cầu thuê tiếp hoặc khi hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê, thuê mua nhà ở;
- c) Bên thuê, bên thuê mua trả lại nhà ở đang thuê, thuê mua;
- d) Bên thuê không còn đủ điều kiện được thuê nhà ở theo quy định của Luật này;
- đ) Bên thuê chết hoặc có tuyên bố mất tích của Tòa án mà không có ai đang cùng sinh sống; trường hợp thuê nhà ở công vụ thì khi người được thuê nhà ở công vụ chết hoặc có tuyên bố mất tích của Tòa án;
- e) Bên thuê, thuê mua nhà ở không nộp tiền thuê nhà ở từ 03 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;
- g) Nhà ở cho thuê, cho thuê mua thuộc diện phải phá dỡ để cải tạo, xây dựng lại theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- h) Bên thuê, bên thuê mua sử dụng nhà ở không đúng mục đích như đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê nhà ở hoặc tự ý chuyển đổi, bán, cho thuê lại, cho mượn nhà ở hoặc tự ý đục phá, coi nới, cải tạo, phá dỡ nhà ở đang thuê, thuê mua.

2. Người đang thuê, thuê mua nhà ở thuộc diện bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều này phải bàn giao lại nhà ở cho đơn vị được giao quản lý nhà ở; trường hợp không bàn giao lại nhà ở thì cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở quyết định cưỡng chế thu hồi; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thu hồi nhà ở này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở năm 2014.
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

26. Thẩm định giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn nước ngoài.

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, email.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội kèm theo giá do chủ đầu tư lập

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ của cơ quan quản lý người thuê nhà ở công vụ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC:

Kết quả thẩm định.

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật nhà ở năm 2014.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

27. Thông báo nhà đủ điều kiện được bán, cho thuê, thuê mua đối với nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách.

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2.Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Sở Xây dựng.

3.Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà ở, có thiết kế kỹ thuật nhà ở được phê duyệt và có Giấy phép xây dựng nếu thuộc diện phải có Giấy phép xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế và tiến độ của dự án đã được phê duyệt

- Văn bản thông báo của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh về việc nhà ở đủ điều kiện được bán

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: Chưa có

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC:

+ Thông báo nhà đủ điều kiện được bán, cho thuê, thuê mua

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- a) Khu vực nhà ở để cho thuê, cho thuê mua, để bán đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình xã hội theo quy hoạch chi tiết xây dựng, hồ sơ thiết kế và tiến độ của dự án đã được phê duyệt; nếu chủ đầu tư có thể chấp nhà ở thì phải giải chấp trước khi bán, cho thuê mua nhà ở này, trừ trường hợp được người mua, thuê mua và bên nhận thế chấp đồng ý;
- b) Đã có văn bản thông báo của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh về việc nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê, cho thuê mua, trừ nhà ở xã hội do nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này;
- c) Nhà ở có đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 118 của Luật Nhà ở 2014.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

28. Phê duyệt đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Sở Xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn xác nhận đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội
- Giấy xác nhận về hộ khẩu và thực trạng nhà ở do UBND cấp phường xác nhận;
- Giấy xác nhận về đối tượng và mức thu nhập do cơ quan, đơn vị nơi từng thành viên trong hộ gia đình đang làm việc xác nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: Chưa có

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân hoặc hộ gia đình

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước phải thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 50 của Luật Nhà ở.

Đối với đối tượng là học sinh, sinh viên quy định tại Khoản 9 Điều 49 của Luật Nhà ở (sau đây gọi chung là sinh viên) thì chỉ được thuê nhà ở trong thời gian học tập. Trường hợp không có đủ chỗ ở để bố trí theo yêu cầu thì thực hiện cho thuê theo thứ tự ưu tiên, gồm sinh viên là con gia đình thuộc diện chính sách, diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Nhà nước; sinh viên vùng sâu, vùng xa, ngoại tỉnh; sinh viên học giỏi; sinh viên học năm đầu tiên.

- Trường hợp thuê nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước thì phải đáp ứng điều kiện về nhà ở, cư trú và thu nhập theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Luật Nhà ở; trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình thì phải có diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 10 m² sàn/người.

Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại Khoản 10 Điều 49 của Luật Nhà ở thì không áp dụng điều kiện về thu nhập nhưng phải thuộc diện chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

- Trường hợp thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và phải thanh toán ngay lần đầu số tiền thuê mua bằng 20% giá trị của nhà ở thuê mua; nếu người thuê mua đồng ý thì có thể thanh toán lần đầu số tiền bằng 50% giá trị của nhà ở thuê mua.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

29. PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VỀ NHÀ Ở:

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Sở Xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết: Chưa có

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC:

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

30. GIA HẠN THỜI HẠN SỞ HỮU NHÀ Ở TẠI VIỆT NAM CHO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI: 1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Sở Xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định

4. Thời hạn giải quyết: Chưa có

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC:

8. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9. Phí, lệ phí: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở

C. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN.

31. CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ HOẶC 1 PHẦN DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO UBND CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐẦU TƯ.

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2- Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Sở Xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng

- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm:
+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);

- + Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng.

- Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm:

+Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định này (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày

5- Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án

6- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng

+ Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế

7- Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định cho phép chuyển nhượng.

8- Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9- Phí, lệ phí: Không

10- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

11- Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Kinh doanh bất động sản 2014.

- Nghị định 76/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

Mẫu 08a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

- Tên doanh nghiệp:

.....

- Địa chỉ:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

.....

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

.....

- Số điện thoại liên hệ:

.....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

.....

Thuộc địa bàn xã huyện tỉnh

.....

Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án:

.....

2. Địa điểm:

.....

3. Nội dung và quy mô dự án:

.....

4. Diện tích sử dụng đất:

.....

5. Diện tích đất xây dựng:

.....

6. Tổng mức đầu tư:

.....

7. Nguồn vốn đầu tư:

.....

8. Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

.....

II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG:

.....
.....
III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; địa chỉ; người đại diện; năng lực tài chính; kinh nghiệm)

IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

.....
.....

V. CAM KẾT:

.....
.....

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

.....
CHỦ ĐẦU TƯ

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)*

Mẫu số 08b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên doanh nghiệp:

.....

- Địa chỉ:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

.....

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

.....

- Số điện thoại liên hệ:

.....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

.....

Thuộc địa bàn xã huyện tỉnh

.....

Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án:

.....

2. Địa điểm:

.....

3. Nội dung và quy mô dự án:

.....

4. Diện tích sử dụng đất của dự án:

.....

5. Diện tích đất xây dựng:

.....

6. Tổng mức đầu tư:

.....

7. Nguồn vốn đầu tư:

.....

8. Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

.....

II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

1. Diện tích đất:

.....

2. Vị trí khu đất:

.....

3. Quy mô công trình:

.....

4. Hiện trạng đang thực hiện:

.....

III. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG:

.....

.....

IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; địa chỉ; người đại diện; năng lực tài chính; kinh nghiệm)

V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

.....
.....

VI. CAM

KẾT:

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)./.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

Mẫu số 09a

Tên chủ đầu
tư:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
.....

Số:/..... ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ:

.....

- Người đại diện

.....

- Số điện thoại

.....

2. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án

.....

- Địa điểm dự án

.....

- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư,...).....

- Mục tiêu của dự án:

.....

- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:
.....
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất...)
- + Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở)
- + Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)
.....
- + Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án
.....
- + Các thông tin khác
.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án
gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng
.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất
.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật
.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng
.....
- Tiến độ thực hiện dự án
.....
- Tình hình huy động vốn
.....
- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)
.....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2
.....
- Các vấn đề khác
.....

5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng:

6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

Mẫu số 09b

Tên chủ đầu
tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....,
ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ

.....

- Người đại diện

.....

- Số điện thoại

.....

2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:

a) Thông tin về dự án

- Tên dự án

.....

- Địa điểm dự án

.....

- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư)

.....

- Mục tiêu của dự án:

.....

- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:

.....

+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở)

+ Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)

.....

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án

.....

+ Các thông tin khác

.....

b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng

- Diện tích đất

.....

- Quy mô công trình

.....

- Tiến độ thực hiện, hiện trạng

.....

- Hồ sơ pháp lý

.....

- Các thông tin khác

.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án

gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng

.....

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

.....

- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật

.....

- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng

.....

- Tiến độ thực hiện dự án

.....

- Tình hình huy động vốn

.....

- Tình hình bán nhà (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)

.....

- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2

.....

- Các vấn đề khác

5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:

- Tình hình giải phóng mặt bằng

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật

- Tình hình xây dựng công trình, nhà ở

- Tiến độ thực hiện dự án

- Tình hình huy động vốn

- Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản

- Các vấn đề khác

6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng

7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

Mẫu số 10a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án

- Địa chỉ:

.....

- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

.....

- Người đại diện theo pháp luật

.....

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):.....

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:

- Tên dự án:

.....

- Chủ đầu tư là:

.....

- Địa điểm:

.....

- Nội dung và quy mô dự án:

.....

- Diện tích sử dụng đất của dự án:

.....

- Diện tích đất xây dựng:

.....

- Tổng mức đầu tư:

.....

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án....., Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án

.....

- Về tiến độ

.....

- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan ...

.....

....., ngày tháng
 năm.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
 đóng dấu)

Mẫu số 10b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án:

.....

- Địa chỉ

.....

- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

.....

- Người đại diện theo pháp luật:

.....

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....):

.....

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản,...):

.....

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án:

.....

- Địa điểm:

.....

- Nội dung và quy mô dự án:

.....

- Diện tích sử dụng đất của dự án:

.....

- Diện tích đất xây dựng:

.....

- Tổng mức đầu tư:

.....

b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất:

.....

- Quy mô công trình:

.....

- Hiện trạng đang thực
hiện:.....

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần....., Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án

.....

- Về tiến độ

.....

- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan

.....

.....

....., ngày ... tháng năm

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

...

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

32. THÔNG BÁO CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ Ở CẤP TỈNH VỀ VIỆC NHÀ Ở ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN, CHO THUÊ MUA NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI.

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản thông báo về việc nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất.
- Hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ dự án; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu đã hoàn thành xong phần móng của tòa nhà đó

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản trả lời .

8. Lệ phí:.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014.

- Nghị định 76/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động

sản.

33. CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ và lệ phí tại Sở Xây dựng;
- b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ; giao Bộ phận sát hạch nghiên cứu và xem xét hồ sơ;
- c) Khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định;
- d) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định;
- đ) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
- b) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - 02 ảnh màu, nền trắng cỡ 4x6 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.
 - Bản sao các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề.
 - Bản kê khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

4. Thời gian giải quyết: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện để tổ chức sát hạch

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Giám đốc Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội đồng tư vấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề

8. Lệ phí: Chưa có Thông tư hướng dẫn.

9. Điều kiện yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính: (Theo Điều 68 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2015)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;
- Đã qua sát hạch về kiến thức môi giới bất động sản.

10. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
- Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Mẫu đơn, mẫu bản khai kinh nghiệm: (Chưa có Thông tư hướng dẫn).

34. CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.

1. Trình tự thực hiện:

- Căn cứ vào thông tin quy hoạch, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch theo các trường hợp quy định tại Điều 32 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng gửi UBND tỉnh cấp giấy phép quy hoạch.

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý, kiểm soát phát triển của khu chức năng đặc thù, Quy định quản lý theo quy hoạch chung xây dựng, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và báo cáo UBND cấp tỉnh cấp giấy phép quy hoạch về nội dung giấy phép quy hoạch. Thời gian thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch hợp lệ

- UBND cấp tỉnh xem xét và cấp giấy phép quy hoạch trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định cấp giấy phép quy hoạch của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất, trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp giấy phép quy hoạch, Sở Xây dựng phải tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung cấp phép. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;
- Sơ đồ vị trí địa điểm đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;
- Dự kiến phạm vi, ranh giới khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch;
- Dự kiến nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư; 6
- Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính để triển khai dự án.

b) Số lượng hồ sơ : 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng .

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung (đính kèm theo thủ tục) quy định tại mẫu số 2 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015.

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ (đính kèm theo thủ tục) quy định tại mẫu số 4 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015.

8. Phí, Lệ phí: Bộ Tài chính quy định chi tiết về mức thu lệ phí cấp giấy phép quy hoạch.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung); quy định tại mẫu số 1 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ) quy định tại mẫu số 3 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường Phường (xã)

- Tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Vị trí, quy mô khu vực dự kiến đầu tư:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Phạm vi dự kiến đầu tư:

- Quy mô, diện tích: (ha).

- Hiện trạng sử dụng đất

3. Nội dung đầu tư:

- Chức năng dự kiến:

- Cơ cấu sử dụng đất dự kiến:

4. Tổng mức đầu tư dự kiến:

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật., ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng)

(Màu xanh – khổ A4)

UBND tỉnh, TP trực thuộc
TW hoặc UBND quận,
huyện, thành phố thuộc
tỉnh, thị xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số: /GPQH (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

1. Cấp cho chủ đầu tư:
 - Địa chỉ:
 - Số nhà: ... Đường ... Phường (xã): ... Tỉnh, thành phố:
2. Nội dung cấp phép:
 - Tên dự án:
 - Địa điểm xây dựng:
 - Phạm vi ranh giới:
 - Quy mô đất đai: ha
 - Quy mô dân số (nếu có): người
 - Cơ cấu sử dụng đất: %. (tỷ lệ đất giao thông, cây xanh, công trình công cộng)
 - Mật độ xây dựng toàn khu vực: %
 - Chiều cao tối đa xây dựng công trình: m.
 - Hệ số sử dụng đất:
 - Các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan:
 - Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, môi trường:
3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày ... tháng ... năm

Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Vị trí, quy mô xây dựng công trình:
 - Phường (xã) Quận (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Phạm vi ranh giới:
 - Quy mô, diện tích: (ha).
 - Hiện trạng sử dụng đất
3. Nội dung đầu tư:
 - Chức năng công trình:
 - Mật độ xây dựng: %
 - Chiều cao công trình: m.
 - Số tầng:
 - Hệ số sử dụng đất:
 - Dự kiến tổng diện tích sàn: m² .
4. Tổng mức đầu tư dự kiến:
5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm
Người làm đơn (Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng)

(Màu xanh – khổ A4)

UBND tỉnh, TP trực thuộc
TWhoặc UBND quận,
huyện, thành phố thuộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
tỉnh, thị xã

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số: /GPQH (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

1. Cấp cho chủ đầu tư:
- Địa chỉ:
 - Số nhà: ... Đường ... Phường (xã): ... Tỉnh, thành phố:
2. Nội dung cấp phép:
 - Tên dự án:
 - Địa điểm xây dựng:
 - Phạm vi ranh giới:
 - Diện tích lô đất: m²
 - Mật độ xây dựng đối với lô đất: %
 - Chiều cao công trình: m.
 - Hệ số sử dụng đất đối với lô đất:
 - Khoảng lùi công trình: m
 - Các yêu cầu về kiến trúc công trình:
 - Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường:
3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày ... tháng ... năm

Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch
(Ký tên, đóng dấu)

35. THẨM ĐỊNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT 1/500 THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

1. Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị thẩm định.
 - + Thuyết minh tổng hợp.
 - + Bản vẽ gồm:
 - Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.
 - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
 - Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
 - Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.
 - Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
 - Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500.
 - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược tỷ lệ 1/500.

Cần thể hiện thêm bản đồ địa hình lồng ghép bản đồ địa chính đối với các loại bản đồ sau: hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng; hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- + Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.
- + Các văn bản pháp lý, đĩa CD lưu nội dung thuyết minh và bản vẽ.

b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng.

8. Lệ phí: Thông tư 01/2013/TT- BXD ngày 08/2/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng 2014;
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết 1 số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 07/2008/TT BXD ngày 7/4/2008 hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 04/2008 ngày 3/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh về việc Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

36. CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, CHUYỂN DỊCH CÂY XANH ĐÔ THỊ.

1. Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc thực hiện thủ tục và thông báo cho chủ đầu tư biết;

- Nếu Hồ sơ không đủ điều kiện thực hiện, Sở Xây dựng có văn bản trả lời tại nơi tiếp nhận hồ sơ, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển, kích thước loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

+ Sơ đồ, vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển.

+ Ảnh chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/ 6/ 2010 của Chính phủ)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cây xanh đã chết, đã đổ gãy hoặc có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm.
- Cây xanh bị bệnh hoặc đến tuổi già cỗi không bảo đảm an toàn.
- Cây xanh trong các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

